

Số: /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp

định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 386/TTr-SNNMT ngày 07 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định ban hành Quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (cũ) ban hành quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) ban hành Quy định trách nhiệm trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ pháp chế, Cục QL và XD CT Thủy lợi);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Các phòng: TH, KT1, KT2, KGVX;
- Lưu: VT, KT2 ^{Thìn}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp nước sạch, bảo vệ công trình cấp nước tập trung; đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng nước sạch (sau đây gọi chung là khách hàng sử dụng nước) và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Khuyến khích các đối tượng sử dụng nước từ mạng lưới cấp nước độc lập áp dụng Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý về hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung

1. Bảo đảm quản lý thống nhất, sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, phát huy tối đa công suất thiết kế và hiệu quả đầu tư công trình cấp nước tập trung.

2. Nước sạch cung cấp cho người dân phải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng, ổn định, liên tục; không để xảy ra ô nhiễm hoặc gián đoạn kéo dài, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, quản lý, vận hành công trình cấp nước tập trung theo cơ chế xã hội hóa, bảo đảm hài hòa lợi ích

của Nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng. Các đơn vị cấp nước được nhà nước ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Hoạt động cấp nước sạch phải bảo đảm tiết kiệm tài nguyên nước, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

5. Các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

SẢN XUẤT, CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 3. Yêu cầu về nguồn nước và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

1. Việc khai thác, sử dụng nguồn nước cho công trình cấp nước tập trung phải được cấp phép theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

2. Nguồn nước được lựa chọn phải bảo đảm:

a) Chất lượng nguồn nước phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08:2023/BTNMT về chất lượng nước mặt hoặc QCVN 09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

b) Trữ lượng, lưu lượng ổn định, đáp ứng công suất thiết kế và nhu cầu cấp nước tối thiểu theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt phải thực hiện việc quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 51 Luật số 28/2023/QH15 được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 10 Luật số 146/2025/QH15.

4. Việc xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại mục 2 Chương II Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT.

5. Nghiêm cấm các hành vi xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo Điều 8 Luật số 28/2023/QH15 được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 10 Luật số 146/2025/QH15.

Điều 4. Hệ thống công trình cấp nước và điểm đầu nối cấp nước

1. Hệ thống công trình cấp nước gồm: công trình khai thác, trạm xử lý, bể chứa, trạm bơm nước, mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối, thiết bị đo đếm và công trình phụ trợ.

2. Việc thiết kế, xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phải tuân thủ các quy định về quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ hệ thống công trình cấp nước và phân phối đến điểm đầu nối của khách hàng sử dụng nước bao gồm cả đồng hồ đo nước. Trường hợp đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối đã được xác định thì chi phí vật tư, lắp đặt từ điểm đầu nối đến điểm lắp đặt đồng hồ do khách hàng sử dụng nước chi trả sau khi đã có thỏa thuận với đơn vị cấp nước.

4. Đơn vị cấp nước thiết lập điểm đầu nối theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và đảm bảo chất lượng dịch vụ tại điểm đầu nối theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

5. Thỏa thuận đầu nối giữa khách hàng sử dụng nước và đơn vị cấp nước thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 42 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

6. Các trường hợp miễn trừ đầu nối thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

7. Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (trừ phần thuộc phạm vi của khách hàng sử dụng nước) do đơn vị cấp nước thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị như: Nhà, đường, cầu cảng, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí di dời nằm trong tổng mức chi phí của dự án (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

b) Di dời theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do khách hàng sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 5. Lắp đặt, kiểm định và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm nước

1. Lắp đặt thiết bị đo đếm nước

a) Điểm lắp đặt đồng hồ đo nước được quy định tại Điều 41 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

b) Việc đầu tư, lắp đặt và chất lượng của thiết bị đo đếm nước được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 49 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

c) Trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước đối với việc sử dụng và bảo vệ thiết bị đo đếm nước được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 49 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Kiểm định và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm nước thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

3. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm việc kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp mất, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của khách hàng sử dụng nước, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do khách hàng sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chì niêm phong bị đứt, khách hàng sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bấm chì hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

Điều 6. Cấp nước phòng cháy, chữa cháy

Việc cấp nước phòng cháy, chữa cháy (*viết tắt là PCCC*) thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 7. Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Hợp đồng dịch vụ cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Mục VI Thông tư số 01/2008/TT-BXD hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

2. Việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 8. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cấp nước

Đơn vị cấp nước có trách nhiệm xây dựng biện pháp kiểm soát, khắc phục rủi ro. Khi xảy ra sự cố, trong trường hợp cần thiết, đơn vị cấp nước dừng hoạt động của công trình cấp nước đồng thời thực hiện quy trình kiểm soát và khắc phục theo quy định.

Điều 9. Tạm ngừng và ngừng dịch vụ cấp nước

1. Tạm ngừng dịch vụ cấp nước

Đơn vị cấp nước tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Ngừng dịch vụ cấp nước

Đơn vị cấp nước có thể ngừng dịch vụ cấp nước trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 10. Chất lượng nước và kiểm soát chất lượng nước

1. Chất lượng nước sạch thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Mục I Thông tư số 01/2008/TT-BXD.

2. Kiểm soát chất lượng nước

a) Đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra, lấy mẫu, thử nghiệm định kỳ chất lượng nước theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Lưu trữ và báo cáo kết quả thử nghiệm định kỳ theo quy định; Lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, khắc phục ngay khi phát hiện chỉ tiêu không đạt quy chuẩn; Khi có sự cố làm ảnh hưởng đến chất lượng nước, phải dừng cấp nước, thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và khách hàng sử dụng nước, đồng thời tổ chức khắc phục và chỉ cấp lại khi nước đạt quy chuẩn.

b) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân xã, phường kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch; phối hợp chỉ đạo ngừng cấp nước khi có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân.

CHƯƠNG III SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước có các quyền lợi được quy định tại khoản 1, Điều 56 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Khách hàng sử dụng nước thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 12. Thay đổi mục đích sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước khi thay đổi mục đích sử dụng nước thực hiện thông báo cho đơn vị cấp nước để điều chỉnh hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Trường hợp khách hàng sử dụng nước chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước khác thì khách hàng sử dụng nước mới thống nhất với đơn vị cấp nước để sử dụng dịch vụ theo quy định.

3. Trường hợp khách hàng sử dụng nước được chia tách thành nhiều chủ thể sử dụng khác nhau thì mỗi chủ thể sử dụng thuộc hộ gia đình, đơn vị, tổ chức, cá nhân đó đều có quyền sử dụng chung đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ đo nước riêng.

Điều 13. Phương pháp xác định lượng nước sử dụng

1. Lượng nước sử dụng bằng hiệu số của chỉ số đồng hồ đo nước giữa hai kỳ đọc. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối (m³). Việc đọc chỉ số đồng hồ đo nước theo chu kỳ quản lý của đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp đồng hồ hư hỏng, lượng nước sử dụng được tạm tính theo mức sử dụng trung bình của ba kỳ liền kề gần nhất.

Điều 14. Giá nước sạch

Giá nước sạch thực hiện theo quy định của Luật Giá, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan và Thông tư số 145/2025/TT-BTC hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trong định giá nước sạch.

Điều 15. Thanh toán tiền nước, sai sót và bồi thường thiệt hại

1. Khách hàng sử dụng nước và đơn vị cấp nước thực hiện thanh toán tiền nước theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Mục VII Thông tư số 01/2008/TT-BXD.

2. Sai sót trong dịch vụ cấp nước và việc bồi thường thiệt hại cho khách hàng sử dụng nước do những sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

CHƯƠNG IV BẢO VỆ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG

Điều 16. An toàn hệ thống công trình cấp nước tập trung

Các hoạt động đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước tập trung phải tuân thủ các quy định về yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước QCVN 07-1:2023/BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 15/2023/TT-BXD ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2025/TT-BXD.

Điều 17. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước

Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 18. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 của Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung còn bị cấm sản xuất, cung cấp hoặc sử dụng nước sạch.

CHƯƠNG V TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác nước, sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chương trình, kế hoạch; thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP đối với trường hợp phạm vi cấp nước có số xã bằng hoặc nhiều hơn số phường; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn, điều chỉnh kịp thời phạm vi cấp nước của các công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định; Quản lý việc sử dụng đất của các tổ chức khi xây dựng các công trình cấp nước tập trung dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu phí tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị cấp nước thuộc khu vực quản lý thực hiện lập phương án giá nước sạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá nước sạch, ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá nước

sạch theo quy định; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh đối với các đơn vị cấp nước thuộc khu vực quản lý;

c) Chủ trì xây dựng định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý vận hành mạng cấp nước, điều chỉnh định mức trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước của địa phương có đặc thù riêng, khi vận dụng các định mức theo công bố không phù hợp hoặc chưa có định mức công bố đối với các dự án cấp nước thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát các đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực Tài nguyên nước;

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch; thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP đối với trường hợp ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực đô thị, khu công nghiệp, điều chỉnh kịp thời phạm vi cấp nước của các công trình cấp nước tập trung khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị cấp nước thực hiện lập phương án giá nước sạch gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án

giá nước sạch, ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá nước sạch theo quy định đối với khu vực theo mục 2 phụ lục I Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về ban hành quy định phân công nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh đối với các đơn vị cấp nước thuộc khu vực quản lý;

c) Chủ trì xây dựng định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý vận hành mạng cấp nước, điều chỉnh định mức trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước của địa phương có đặc thù riêng, khi vận dụng các định mức theo công bố không phù hợp hoặc chưa có định mức công bố đối với các dự án cấp nước thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát các đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất, cung cấp nước sạch khu vực đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

đ) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh;

e) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất hoạt động sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch khu vực đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh về Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế;

c) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT;

d) Tiếp nhận bản công bố hợp quy của các đơn vị cấp nước;

đ) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả chất lượng nước của các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm các dự án đầu tư phát triển cấp nước;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định phương án giá nước sạch của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh thực hiện lập, xây dựng định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý vận hành mạng cấp nước, điều chỉnh định mức trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước của địa phương có đặc thù riêng, khi vận dụng các định mức theo công bố không phù hợp hoặc chưa có định mức công bố; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án cấp bù giá nước sạch từ ngân sách tỉnh theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu tư sử dụng nước, mua nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh theo phạm vi quản lý;

đ) Hướng dẫn quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước tập trung sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh theo quy định;

e) Hướng dẫn các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh thực hiện việc quản lý và sử dụng nguồn khấu hao công trình cấp nước tập trung thuộc nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

5. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Giám sát, hướng dẫn việc thực hiện hợp đồng lao động của các đơn vị cấp nước và các chế độ, chính sách của người lao động làm việc cho các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội của các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước cũng như việc thực hiện các chế độ, quyền lợi của người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

Nghiên cứu, thẩm định các dây chuyền công nghệ mới trong xử lý nước và quản lý, khai thác, bảo vệ công trình cấp nước tập trung theo quy định.

7. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, công an các xã, phường phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương, các đơn vị cấp nước phòng ngừa, phát hiện,

điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi gây ô nhiễm nguồn nước; mất an toàn, an ninh nguồn nước, hệ thống công trình cấp nước tập trung theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC; lực lượng PCCC chịu trách nhiệm quản lý hệ thống các họng cứu hỏa; dự kiến kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác PCCC hằng năm và xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác PCCC từ hệ thống cấp nước làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

8. Sở Công Thương có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị cấp nước đảm bảo quyền lợi của khách hàng sử dụng nước theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15 và quy định của pháp luật có liên quan.

9. Thuế tỉnh có trách nhiệm:

Hướng dẫn các đơn vị cấp nước thực hiện các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước, các thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung, sử dụng nước tiết kiệm và có trách nhiệm trong việc bảo vệ công trình cấp nước tập trung;

b) Chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật (đặc biệt là các công trình giao thông) trên địa bàn quản lý phối hợp và hỗ trợ các đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch trong việc bảo vệ, dịch chuyển đường ống cấp nước, bảo đảm việc cấp nước sạch phục vụ Nhân dân không bị gián đoạn;

c) Thực hiện ký Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký;

d) Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước; quản lý, giám sát vùng cấp nước trên địa bàn quản lý theo quy định;

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo vệ công trình cấp nước tập trung; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình

khai thác nước trên địa bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT;

e) Định kỳ và đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp kết quả hoạt động cấp nước gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với công trình cấp nước tập trung nông thôn), Sở Xây dựng (đối với công trình cấp nước tập trung đô thị) để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị cấp nước

1. Sản xuất, kinh doanh nước sạch theo phân vùng được cấp, theo quy hoạch được duyệt; nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Lập và trình phương án giá nước, phương án điều chỉnh giá nước theo quy định hiện hành gửi sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước; lập và trình cơ quan, đơn vị đã ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với mình phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hằng năm và dài hạn trong vùng phục vụ của đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; thực hiện đúng các nội dung cam kết đã thỏa thuận; cung cấp nước sạch đảm bảo theo quy chuẩn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước không đảm bảo quy chuẩn quy định.

4. Lập, xây dựng lộ trình triển khai, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn các cấp.

5. Trang bị máy móc thiết bị thử nghiệm nước, thực hiện quản lý chất lượng nước, thực hiện nội kiểm, ngoại kiểm; báo cáo kết quả chất lượng nước theo quy định. Trường hợp không trang bị thiết bị thử nghiệm nước thì ký hợp đồng với cơ quan, đơn vị hoặc các phòng xét nghiệm có đầy đủ chức năng theo quy định.

6. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường; bảo vệ an toàn nguồn nước, xây dựng đới phòng hộ vệ sinh khu vực lấy nước, hệ thống công trình cấp nước; kê khai và nộp đúng, đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định.

7. Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC.

8. Xây dựng và thực hiện biện pháp kiểm soát, khắc phục rủi ro các sự cố công trình cấp nước tập trung đảm bảo việc cung cấp nước liên tục, không bị gián đoạn.

9. Báo cáo định kỳ và đột xuất khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu về tình hình sản xuất, kinh doanh nước sạch, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình cấp nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Hội Nước sạch

1. Tuyên truyền, vận động các thành viên trong Hội thực hiện tốt các quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung; cung cấp đầy đủ nước sạch, đạt quy chuẩn chất lượng theo quy định.

2. Tuyên truyền, vận động các đơn vị cấp nước duy trì, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng nước sạch, đáp ứng nhu cầu của khách hàng sử dụng nước.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền nhân dân tăng cường sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung để đảm bảo vệ sinh, sức khỏe của người dân và nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ hệ thống công trình cấp nước tập trung trên địa bàn.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và khách hàng sử dụng nước sạch

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm:

a) Thông báo tiến độ thi công các công trình ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước tập trung, đặc biệt là hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước sạch, hệ thống đường ống dẫn nước thô cho các đơn vị cấp nước để đơn vị cấp nước có kế hoạch vận hành, sản xuất phù hợp;

b) Chỉ đạo các đơn vị thi công phối hợp và hỗ trợ các đơn vị cấp nước trong việc đảm bảo cấp nước an toàn khi thi công công trình ảnh hưởng đến việc cấp nước.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thi công công trình có ảnh hưởng đến hệ thống công trình cấp nước tập trung phải khẩn trương phối hợp với đơn vị cấp nước và các cơ quan, đơn vị liên quan khắc phục sự cố và báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương.

3. Các khách hàng sử dụng nước sạch có trách nhiệm:

a) Tham gia bảo vệ công trình cấp nước tập trung và sử dụng nước tiết kiệm;

b) Khi phát hiện công trình bị xâm hại, xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố thì người phát hiện có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục nếu có thể thực hiện được và báo ngay cho đơn vị quản lý, khai thác công trình hoặc chính quyền địa phương để kịp thời xử lý;

c) Thực hiện đúng các nội dung cam kết đã thỏa thuận và theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

Các thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận cho đến khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quy định.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện quy định, nếu có vướng mắc các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

2. Khi các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.